

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+BK5+P2	7:25	6+7+9	0+0+0	5+3+14	0+0+0		
2		RP2+RC3	7:25	13+8	0+0	14+8	0+0		
3		CTC1+RC10	9:25	16+4	0+0	9+4	0+0		
4		PPD+RP2	9:25	3+19	0+0	1+21	0+0		
5		P2+BK5+BK8	12:00	20+1+0	0+0+0	17+4+1	0+0+0		
6		BK6+P10+CTK3	12:00	6+13+0	0+0+0	4+4+10	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ DI VE TRONG NGÀY P2-5NG, BK5-3NG, BK8-1NG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK8 - BK5 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0068	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG QUOC VAN *	BK8	46-47	2	9			59	SGC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG CAM	BK8				2	25	78	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG DINH QUAN	BK8	48	1	10	1	21	73	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG VIET HOP	BK8	45	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DAT	BK8	43	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN NGUYEN	BK8	44	1	6			75	PSV	Vietnamese
7	LE VAN DUC *	BK5	55	1	4			63	SGC	Vietnamese
8	TRAN QUANG BINH	BK5	57	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NOVIKOV A.	BK5	56	1	4	1	20	98	ANTOAN	Russian
10	HO QUANG HIEP	BK5	54	1	3			66	DK9	Vietnamese
11	DOAN VAN TRINH	BK5	52	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HUNG CUONG	BK5	32-33	2	16			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG THANG	BK5	53	1	7			70	PSV	Vietnamese
14	SYDOROV I.N.	P2	44	1	4			88	D-HANH	Russian
15	BOVT A.V	P2	43	1	2			94	D-HANH	Russian
16	POPOV A.A.	P2						80	KH-THAC	Russian
17	KRAMARENKO V.V	P2						69	KH-THAC	Russian
18	GALLIAMOV I.M	P2						65	KH-THAC	Russian
19	LE VAN LONG	P2	50	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC QUOC	P2	49	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
21	DO VAN DANG *	P2	45	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
22	LE ANH TU *	P2	46-48	3	16			82	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	6	417	6	32	3	46	5		
2	BK5	7	517	8	51	1	20	3		
3	P2	9	692	8	41	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.626</b>	<b>22</b>	<b>124</b>	<b>4</b>	<b>66</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.626</b>		<b>124</b>		<b>66</b>			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DO THI HAI YEN

CREW

LE QUY HUNG  
MAI VAN THAO

  


Có 4 pax \* xách tay pin sạc dự phòng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP2 - RC3	CREW: QVIET - N.ANH - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0071	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU MẠNH HÀ	RP2	52	1	7	4	65	71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TÂN TÀI	RP2	61	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	53-54	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	51	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	65	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	64	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	62	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	RP2	55	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TUẤN ANH	RP2	60	1	9			52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ TUẤN ANH *	RP2	59	1	13			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN KHANH*	RP2	57	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	56	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ THIÊN ĐẠT*	RP2	63	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU SƠN	RC3	06	1	6	1	18	74	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO VIỆT HẢI	RC3	12	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	07	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRINH*	RC3	11	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC XUÂN	RC3	1000	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3	08	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CAO MỘNG	RC3	14	1	8			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	13	916	14	83	4	65	14		
2	RC3	7	466	7	43	1	18	8		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.382</b>	<b>21</b>	<b>126</b>	<b>5</b>	<b>83</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.382</b>		<b>126</b>		<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.591 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: CTC1 - RC10	CREW: HUNG - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0069	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	58	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	54-55	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THỂ MẠNH	CTC1	56	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG*	CTC1	51	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	60	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN MẠNH	CTC1	59	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	CTC1	57	1	10			99	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THỂ QUANG*	CTC1	61	1	18			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHÔI	CTC1	62	1	16	1	6	66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM LÊ TUẤN ANH	CTC1	64-65	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀ NGỌC THANH*	CTC1	68-69	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TIẾP	CTC1	72-73	2	16	3	62	79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ĐẠO*	CTC1	70-71	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN	CTC1	52-53	2	17			77	NIPI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	66	1	3			68	PSV	Vietnamese
17	DINH BA THANG*	CTC1	67	1	5			69	PSV	Vietnamese
18	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	32	1	8	1	15	94	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG*	RC10	29	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THANH	RC10	28	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ MINH THUẬN	RC10	30-31	2	12			79	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	17	1.300	22	173	4	68	9		
2	RC10	4	296	5	37	1	15	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.596</b>	<b>27</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>83</b>	<b>13</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.596</b>		<b>210</b>		<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

*[Signature]*  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

*[Signature]*  
ĐẶNG THÚY ANH

CREW

*[Signature]*  
LÊ QUÝ HUNG   
MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: PPD - RP2	CREW: VIỆT - N.ANH - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0072	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	PPD						81	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG DŨNG*	PPD	52	1	7			78	KHI	Vietnamese
3	LÊ VĂN DŨNG	PPD	51	1	10	3	45	68	KHI	Vietnamese
4	THAI HỮU TÂM	RP2	73	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG LỢI*	RP2	75	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ VĂN SANG	RP2	78	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI SANG	RP2	84	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	41	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ DUY QUYÊN	RP2	76	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN QUẢN	RP2	88-89	2	19			58	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUẢN	RP2	79	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	80	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP2	71	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI VĂN TUẤN	RP2	85-86	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	77	1	17			64	YTE	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	83	1	5			73	PSV	Vietnamese
19	TRẦN MINH HÙNG	RP2	87	1	5			86	PSV	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG QUI*	RP2	81	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	70	1	6			66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN TỬ	RP2	72	1	6			53	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	3	227	2	17	3	45	1		
2	RP2	19	1.289	20	144	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.516</b>	<b>22</b>	<b>161</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.516</b>		<b>161</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: P2 - BK5 - BK8	CREW: XHOÀN - NPHÚ - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0070	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	34	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	38	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DOAN HƯƠNG	P2	30	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HUU NGUYỄN	P2	28	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	P2	40	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	41	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH BAO	P2	31	1	8			66	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2						80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN NAM	P2	35	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	36-37	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ SỸ VANG	P2	29	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ HUY QUYNH	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THUY*	P2	42	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	33	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CÔNG LƯU	P2	39	1	13			64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH HOÀN*	P2	32	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU ANH TUẤN	P2	27	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐỨC	BK5	71	1	10	1	18	77	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	18	1.247	16	110	0	0	16		
2	BK5	1	77	1	10	1	18	4		
3	BK8	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.324</b>	<b>17</b>	<b>120</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.324</b>		<b>120</b>		<b>18</b>			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TRẮNG-3	TO: P10 - P11 - BK6 - CTK3	CREW: VTHẮNG - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0073	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM VĂN TUẤT	P10	72	1	10			86	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THO	P10	68-69	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH ĐỨC TAM	P10	63	1	8			61	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN KHÁC DUY *	P10	62	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	P10	75-76	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	P10	82	1	7	1	15	86	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN KHÁC BĂNG	P10	66-67	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRẦN	P10	79-80	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
9	HA HỮU THAI	P10	73-74	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY KHANH	P10	77	1	10	1	12	55	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CHINH	P10	65	1	13	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TOÀN	P10	71	1	13	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	P10	83	1	4			66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIÊN DUNG	BK6	51-52	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI (12514)	BK6	53-54	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	48-49	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG MINH	BK6	56	1	11	6	57	71	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG QUỐC HUY	BK6	55	1	10	2	32	90	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN TRỌNG MINH	BK6	50	1	4			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	13	915	18	170	4	53	4		
2	P11	0	0	0	0	0	0	2		
3	BK6	6	441	9	69	8	89	4		
4	CTK3	0	0	0	0	2	38	11		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.356</b>	<b>27</b>	<b>239</b>	<b>14</b>	<b>180</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.356</b>		<b>239</b>		<b>180</b>			

GRAND TOTAL: 1.775 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯƠNG